

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH SƠN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2021/HS-ST

Ngày 27-7-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa Phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đô.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thạch.

2. Ông Bùi Quốc Thìn.

- Thư ký Phiên tòa: Ông Trương Quang Bình, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi tham gia Phiên tòa: Ông Huỳnh Tấn Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 73/2021/TLST-HS ngày 02/7/2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2021/QĐXXST-HS ngày 15/7/2021 đối với:

1. Các bị cáo:

1.1. Trần Văn T, tên gọi khác: T; sinh ngày 26/11/1989 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: Thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; con bà Trần Thị H (chết); chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bị Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi xử phạt 24 tháng tù về tội Gây rối trật tự công cộng theo Bản án số 20/2008/HSST, ngày 13/5/2008 và xử phạt 24 tháng tù về tội Cưỡng đoạt tài

sản, theo Bản án số 30/2011/HSST, ngày 22/8/2011; bị tạm giữ, tạm giam kể từ ngày 18/3/2021; có mặt tại Phiên tòa.

1.2. Bùi Thanh P, sinh ngày 26/5/1993 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: Thôn M, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Ngư nghiệp; trình độ học vấn: 8/12; con ông Bùi H (chết), bà Trần Thị L; có vợ là Nguyễn Thị S, có 01 người con sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam kể từ ngày 18/3/2021; có mặt tại Phiên tòa.

2. Bị hại:

2.1. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại và Dịch vụ H (sau đây viết tắt là Công ty H); trụ sở: Thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; người đại diện hợp pháp: Ông Huỳnh Minh T, chức vụ: Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính của Công ty H (theo văn bản ủy quyền số 05/21-UQHG, ngày 01/5/2021); có mặt tại Phiên tòa.

2.2. Ông Lê T(sau đây viết tắt là ông T), sinh năm 1979; cư trú tại: Thôn Đ, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt tại Phiên tòa.

2.3. Ông Dương Đình Thái (sau đây viết tắt là ông Thái), sinh năm 1986; cư trú tại: Thôn Đ, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt tại Phiên tòa.

2.4. Ông Nguyễn Hồng V(sau đây viết tắt là ông Vân), sinh năm 1975; cư trú tại: Thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt tại Phiên tòa.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị Thu S(sau đây viết tắt là bà S), sinh năm 1972; cư trú tại: Thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt tại Phiên tòa.

3.2. Ông Nguyễn Tài H(sau đây viết tắt là ông H), sinh năm 1970; cư trú tại: Thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt tại Phiên tòa.

4. Người làm chứng:

4.1. Ông Đặng Văn B, sinh năm 1967; cư trú tại: thôn Q, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt tại Phiên tòa.

4.2. Ông Nguyễn Tấn T, sinh năm 1979; cư trú tại: xóm Đ, Thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt tại Phiên tòa.

4.3. Ông Hồng Vĩnh M, sinh năm 1972; cư trú tại: Tổ dân phố X, thị trấn C, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt tại Phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại Phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vì cần tiền tiêu xài cá nhân nên Trần Văn T (sau đây viết tắt là T) rủ bạn của mình là Bùi Thanh P (sau đây viết tắt là P) đi trộm cắp tài sản thì P đồng ý. Trong tháng 3/2021, T và P đã thực hiện các hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác trên địa bàn huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, cụ thể:

1. Trước ngày 15/3/2021 vài ngày (không xác định được thời gian cụ thể), T điều khiển xe mô-tô nhãn hiệu Honda Dream (không xác định được biển kiểm soát) kéo theo cộ sắt chở P đến kho bãi của Công ty H (thuộc địa phận thôn T, xã B) lén lút khiêng 01 (một) khung sắt bỏ lên cộ sắt rồi vận chuyển đến bán cho tiệm phế liệu của bà S (thuộc địa phận thôn H, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam) với giá 650.000 đồng (sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

Hội đồng định giá trong tổ tụng huyện Bình Sơn kết luận khung sắt nêu trên trị giá 591.500 đồng (năm trăm chín mươi một nghìn năm trăm đồng).

2. Khoảng 02 giờ 00 phút ngày 15/3/2021, khi T điều khiển xe mô-tô nêu trên chở theo P đi ngang qua quán nhậu Sông Trà ở xã B (do ông V làm chủ quán) phát hiện trong quán có xe mô-tô nhãn hiệu Honda Dream biển kiểm soát 76M4-062X (xe của ông V) nên T dừng xe và nói với P ở lại canh giới cho T đến lấy trộm xe thì P đồng ý, T đi bộ đến dắt xe 76M4-062X quay lại chỗ P, sau đó T dùng các dụng cụ (kìm, cờ lê, tuốc vít) tháo gỡ phụ tùng xe của xe 76M4-062X (ba-ga, bửng xe màu trắng và gương chiếu hậu) bỏ lại, bứt dây chìa khóa để khởi động, điều khiển xe 76M4-062X và cùng với P rời khỏi hiện trường; trên đường đi đến đoạn trước cổng Khu liên hợp Thép Hòa Phát thì T gỡ bỏ biển kiểm soát xe 76M4-062X và vứt bỏ biển kiểm soát vào thùng rác.

Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện Bình Sơn kết luận giá trị xe 76M4-062X nêu trên là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng).

3. Khoảng 23 giờ 58 phút, ngày 17/3/2021, T điều khiển xe mô-tô 76M4-062X nêu trên (đã tháo gỡ biển kiểm soát) kéo theo cộ sắt chở P đi trên

tuyến đường Võ Văn Kiệt thì phát hiện trong tiệm sửa xe (gara) L (thuộc địa phận thôn Đ, xã B và do ông T làm chủ) có 01 khung sắt là nắp cabin xe công nông (từ địa phương thường dùng là xe cọc cách) nên T, P cùng đi đến, khiêng nắp cabin này bỏ lên cộ sắt chờ đi trên đường Võ Văn Kiệt nhằm tiếp tục tìm kiếm tài sản để trộm cắp.

Đến khoảng 00 giờ 03 phút ngày 18/3/2021, T và P đi đến trước quán nhậu H (thuộc địa phận thôn Đ, xã B và do ông Th làm chủ) thì phát hiện một số thanh sắt (sắt phế liệu) nên T đã dừng xe để P đi đến lấy các thanh sắt này bỏ lên xe cộ, gồm: 01 (một) ống sắt rỗng, 01 (một) thanh sắt hộp bị gỉ mục, 01 (một) thanh sắt hộp loại (4x4)cm, 02 (hai) thanh sắt hộp loại (4x4)cm.

Sau đó, các bị cáo chở nắp cabin và thanh sắt trộm cắp được của các ông T, T đem bán cho tiệm thu mua phế liệu của ông H (thuộc thôn T, xã B) với giá 360.000 đồng (ba trăm sáu mươi nghìn đồng).

Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Bình Sơn kết luận giá trị nắp cabin nêu trên là 295.750 đồng (hai trăm chín mươi lăm nghìn bảy trăm năm mươi đồng) và các thanh sắt nêu trên là 92.300 đồng (chín mươi hai nghìn ba trăm đồng).

4. Khoảng 02 giờ ngày 18/3/2021, T và P tiếp tục đến kho bãi của Công ty H để trộm các khung sắt, T và P đưa cộ sắt vào đóng khung sắt rồi cùng nhau khiêng, chuyển 01 (một) khung sắt lên cộ sắt và vận chuyển đến tiệm thu mua phế liệu của bà S để bán nhưng do khung sắt có khối lượng lớn nên T, P để lại khung sắt tại đây và nói với bà S để trời sáng rồi cắt các khung sắt ra cân, bán cho bà S. Sau đó, T, P quay trở lại kho bãi của Công ty H để trộm cắp tài sản; với phương thức, thủ đoạn tương tự như trên, T, P đã thực hiện thêm 02 lần trộm cắp tài sản, mỗi lần 01 khung sắt của Công ty H và vận chuyển đến để ở cổng tiệm thu mua phế liệu của bà S để chờ đến sáng rồi cân, bán cho bà S. Đến khoảng 10 giờ 30 phút ngày 18/3/2021 thì T, P trở lại tiệm của bà S nhưng do thấy có nhiều người ở đó nên các bị cáo quay về huyện Bình Sơn.

Khoảng 11 giờ 45 ngày 18/3/2021, T điều khiển xe Honda Dream chở P kéo theo cộ sắt đến kho bãi Công ty H để tiếp tục trộm cắp các khung sắt và khi đang lên lút khiêng 01 (một) khung sắt lên cộ sắt thì bị anh Lê Văn N (là Công an viên xã B) trên đường đi công tác phát hiện, theo dõi. T điều khiển xe chở P kéo cộ sắt vận chuyển khung sắt lấy trộm được lần thứ tư này rồi

khỏi kho bãi Công ty H đi về phía xã B thì anh N truy đuổi theo, đồng thời liên hệ Công an các xã B, T hỗ trợ. Khi các bị cáo chở khung sắt đến tiệm thu mua phế liệu của ông H thì bị lực lượng công an đuổi kịp, bắt quả tang.

Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện Bình Sơn kết luận trị giá 04 khung sắt mà các bị cáo chiếm đoạt của Công ty H trong ngày 17 và ngày 18/3/2021 trị giá 4.108.000 đồng (bốn triệu một trăm lẻ tám nghìn đồng).

Bản cáo trạng số 49/CT-VKS ngày 02/7/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi truy tố các bị cáo T, P về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 (sau đây viết tắt là Bộ luật Hình sự).

Tại Phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn giữ nguyên quyết định truy tố; đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo T, P phạm tội “Trộm cắp tài sản” và áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo T từ 18 đến 24 tháng tù, xử phạt P từ 12 đến 18 tháng tù; về dân sự: Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì khác về dân sự nên không xem xét; về vật chứng: Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 (một) cộ sắt có gắn 02 bánh xe và 01 (một) cờ lê, 01 (một) kim bấm, 01 (một) tuốc vít; buộc các bị cáo có nghĩa vụ giao nộp số tiền thu lợi bất chính là 1.010.000 đồng để tịch thu, sung công quỹ Nhà nước.

Qua tranh tụng tại Phiên tòa, các bị cáo T, P thừa nhận cáo trạng truy tố bị cáo về tội trộm cắp tài sản là đúng người, đúng tội, không oan nhưng cho rằng mức án mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị là nặng, mong Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng mức án thấp nhất;

Tranh luận với ý kiến của các bị cáo thì đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm về mức hình phạt đề nghị vì cho rằng đã đánh giá đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhân thân và tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo, trên cơ sở đó đã đề nghị xét xử mức hình phạt đối với các bị cáo là phù hợp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại Phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng nên các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án là hợp pháp.

[2] Tại Phiên tòa, các bị cáo T, P khai nhận hành vi của mình như mô tả trong cáo trạng truy tố. Lời khai của các bị cáo T, P phù hợp với lời khai của bị hại, của những người tham gia tố tụng khác và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định:

Các bị cáo T, P là người có năng lực trách nhiệm hình sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự; liên tục, kế tiếp thời gian từ ngày 17/3/2021 đến ngày 18/3/2021, các bị cáo có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá 4.496.050 đồng (bốn triệu bốn trăm chín mươi sáu nghìn năm mươi đồng), trong đó chiếm đoạt tài sản của các ông T, Thái trị giá là 388.050 đồng và tài sản của Công ty H trị giá là 4.108.000 đồng. Ngoài ra, ngày 15/3/2021, các bị cáo còn lén lút chiếm đoạt xe mô-tô Honda Dream biển kiểm soát 76M4-062X của ông V trị giá 3.000.000 đồng (ba triệu đồng).

Hành vi nêu trên của T và P đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[3] Ngoài hành vi phạm tội đã nêu tại mục [2] nêu trên thì các bị cáo T, P còn lén lút chiếm đoạt của Công ty H 01 (một) khung sắt trị giá 591.500 đồng (năm trăm chín mươi một nghìn năm trăm đồng) vào thời điểm trước ngày 15/3/2021 (không xác định được thời gian cụ thể), tuy nhiên do không đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo về hành vi chiếm đoạt khung sắt này.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và nhân thân:

[4.1] Các bị cáo T, P thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, gia đình các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, riêng bị cáo P có ông nội là người có công với cách mạng nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4.2] Các bị cáo T, P phạm tội 02 lần trở lên nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4.3] Bị cáo T có nhân thân xấu, đã bị Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn xử phạt 24 tháng tù về tội gây rối trật tự công cộng theo Bản án số 20/2008/HSST, ngày 13/5/2008 và xử phạt 24 tháng tù về tội Cường đoạt tài sản, theo Bản án số 30/2011/HSST, ngày 22/8/2011 nhưng đến nay lại tiếp tục phạm tội, thể hiện thái độ xem thường pháp luật và không có khả năng tự cải tạo bản thân.

[5] Hành vi phạm tội của các bị cáo T, P thuộc trường hợp đồng phạm có tính chất giản đơn, trong đó: Bị cáo T có vai trò tích cực nhất, là người khởi xướng, rủ rê bị cáo P phạm tội và cùng với bị cáo P trực tiếp thực hiện việc chiếm đoạt tài sản nên hành vi phạm tội của T có tính chất, mức độ nguy hiểm cao hơn so với P, vì vậy cần có sự phân hóa trách nhiệm hình sự khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[6] Trên cơ sở đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo như đã nêu trên, Hội đồng xét xử quyết định buộc các bị cáo chấp hành hình phạt tù tại cơ sở giam giữ trong thời hạn nhất định để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, có ý thức tuân thủ pháp luật, ngăn ngừa các bị cáo phạm tội mới, đồng thời giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, góp phần đấu tranh, phòng chống tội phạm.

[7] Về việc trách nhiệm hình sự đối với bà S và ông H:

Trong vụ án này, mặc dù có mua tài sản của T, P như đã nêu trên nhưng bà S, ông H đều không biết đây là những tài sản do T, P trộm cắp mà có nên không có đủ căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bà S, ông H về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

[8] Về vật chứng:

[8.1] Cơ quan điều tra thu hồi các tài sản bị các bị cáo T, P chiếm đoạt trong vụ án và đã trả lại cho các chủ sở hữu, cụ thể: Trả lại 05 (năm) khung sắt cho Công ty H; trả lại xe mô-tô nhãn hiệu Honda Dream (số khung 248430, số máy 0248445) cho ông V; trả lại 01 nắp cabin xe công nông cho ông T; trả lại các thanh sắt phế liệu cho Th là phù hợp với quy định của pháp luật.

[8.2] 01 (một) cộ sắt có gắn 02 bánh xe, 01 (một) cờ lê, 01 (một) kìm bấm và 01 (một) tuốc vít đều là tài sản của T, được sử dụng làm phương tiện thực hiện các vụ trộm cắp tài sản nêu trên; hiện nay các vật chứng này không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[8.3] Các bị cáo bán các tài sản trộm cắp cho ông H với số tiền là 360.000 đồng (ba trăm sáu mươi ngàn đồng), bán cho bà S với số tiền 650.000 đồng (sáu trăm năm mươi nghìn đồng) và đã sử dụng tiêu xài hết số tiền này. Đây là số tiền thu lợi bất chính nên buộc các bị cáo có nghĩa vụ giao nộp để tịch thu, sung công quỹ Nhà nước.

[9] Về dân sự:

Bà S, ông H không yêu cầu các bị cáo hoàn trả số tiền mà bà S, ông H mua các tài sản trộm cắp; các bị hại cũng đã nhận lại tài sản như đã nêu và không có yêu cầu gì khác về dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án này.

[10] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn về tội danh, mức hình phạt đối với các bị cáo là phù hợp hành vi, tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo và đề nghị về dân sự, xử lý vật chứng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[11] Về án phí: Các bị cáo T, P mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Trần Văn T, Bùi Thanh P phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017,

2.1. Xử phạt bị cáo Trần Văn T 02 (hai) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18/3/2021.

2.2. Xử phạt bị cáo Bùi Thanh P 01 (một) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18/3/2021.

3. Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

3.1. Tịch thu tiêu hủy vật chứng gồm: 01 (một) cộ sắt có gắn 02 bánh xe và 01 (một) cò lê, 01 (một) kim bấm, 01 (một) tuốc vít (chi tiết vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 07/7/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Sơn và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi).

3.2. Buộc các bị cáo Trần Văn T và Bùi Thanh P có nghĩa vụ liên đới nộp số tiền thu lợi bất chính là 1.010.000 đồng (một triệu không trăm mười nghìn đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

4. Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Buộc các bị cáo Trần Văn T, Bùi Thanh P mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Bị cáo, bị hại có mặt tại Phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại Phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Bình Sơn;
- Cơ quan CSĐT, Bộ phận hồ sơ nghiệp vụ và Nhà Tạm giữ, thuộc Công an huyện Bình Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bình Sơn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Văn Đô

- UBND xã Bình Thuận (thay thông báo);
- UBND xã Bình Chánh (thay thông báo);
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.